Hiện tại đơn	Hiện tại tiếp diễn
1. Thể khẳng định S + động từ **GIỮ NGUYÊN** (khi chủ từ là **I,WE,YOU,THEY HOẶC DANH TỪ SỐ NHIỀU**.) S +động từ THÊM '**S HOẶC ES**' (khi chủ từ là **HE, SHE, IT HOẶC DANH TỪ SỐ ÍT**.) **2. Thể phủ định** S + DO NOT + động từ **GIỮ NGUYÊN(** khi chủ từ là **I,WE,YOU,THEY HOẶC DANH TỪ SỐ NHIỀU**.) S + DOES NOT + động từ **GIỮ NGUYÊN** (khi chủ từ là **HE, SHE, IT HOẶC DANH TỪ SỐ ÍT**.) **3. Thể nghi vấn (câu hỏi)** DO + S + động từ **GIỮ NGUYÊN? (** khi chủ từ là **I,WE,YOU,THEY HOẶC DANH TỪ SỐ NHIỀU**.) DOES + S + động từ **GIỮ NGUYÊN?** (khi chủ từ là **HE, SHE, IT HOẶC DANH TỪ SỐ ÍT**.) CHÚ Ý: **- DO NOT= DON'T** **- DOES NOT= DOESN'T** **Các trạng từ chỉ thời gian thường đi kèm để nhận biết:** Every day, every month, once a week, always, usually, often, sometimes, occationally, seldom/rarely, never	**1. Thể khẳng định** **S+ IS/AM/ARE+V-ING** **2. Thể phủ định** **S+ IS/AM/ARE+NOT +V-ING** **3. Thể nghi vấn (câu hỏi)** IS/AM/ARE+S+V-ING? I: AM HE,SHE,IT: IS WE,YOU,THEY: ARE **Các trạng từ chỉ thời gian thường đi kèm để nhận biết:now, at present, at the moment, look!, listen!, today**

I. Chia động từ trong ngoặc ở thì Hiện Tại Đơn(Present Simple tense)

1. I (be) _____ at school at the weekend.
2. She (not study) _____ on Friday.
3. My students (be not) _____ hard working.
4. He (have) _____ a new haircut today.
5. I usually (have) _____ breakfast at 7.00.

II. Chia động từ trong ngoặc ở thì Hiện Tại Tiếp Diễn(Present Continuous Tense)

1. John (not read) _____ a book now.
2. What you (do) _____ tonight?
3. Jack and Peter (work) _____ late today.
4. Silvia (not listen) _____ to music at the moment.
5. Maria (sit) _____ next to Paul right now.

II. Put the verb in brackets into the correct form(Chia động từ trong ngoặc ở thì Hiện Tại Đơn hoặc Hiện Tại Tiếp Diễn)

1. John (play) _____ football at the moment.
2. We often (write) _____ tests at our school.
3. I (talk) _____ to my teacher now.
4. Look! Mandy and Susan (watch) _____ a film on TV.
5. Olivia (visit) _____ her uncle every weekend.
6. Now the sun (shine_____
7. They sometimes (read) _____ poems in the lessons.
8. Listen! The band (play) _____ the new guitar.
9. _____ you often (go) _____ to school by bike ?.
10. Every morning, my mother (get) _____ up at 6 o'clock.

LIVEWORKSHEETS